



Mã số: 24.06.17-VLKT/H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT TIỀN GIANG**
- Địa chỉ: Lô KI-1,2, Khu Công Nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 08 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 17/06/2024
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	1706/KT/QVTG/001: Khí thải sau xử lý ống khói lò hơi KI-1					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	83,9	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	7.125	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	65,8	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	341	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	8,7	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	6,3	500	
II	1706/KT/QVTG/002: Khí thải sau xử lý ống khói lò hơi KI- 2					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	82,6	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	7.670	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	70,3	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	326	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	7,1	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	5,8	500	
III	1706/KT/QVTG/003: Khí thải tại ống thải máy phát điện 1 – KI-1					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	73,9	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.320	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	44,3	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	72	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	53,7	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	81,5	500	
IV	1706/KT/QVTG/004: Khí thải tại ống thải máy phát điện 2 – KI-1					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	72,6	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.140	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	41,9	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	68	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	49,6	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	79,3	500	





TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

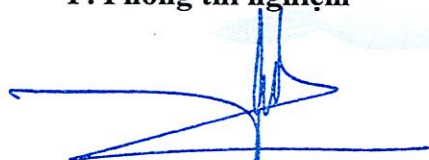
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



V	1706/KT/QVTG/005: Khí thải tại ống thải máy phát điện 3 – KI-1					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	71,5	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.090	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	38,2	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	69	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	50,7	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	78,5	500	
VI	1706/KT/QVTG/006: Khí thải tại ống thải máy phát điện 4					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	72,5	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.126	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	40,7	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	73	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	53,6	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	80,1	500	
VII	1706/KT/QVTG/007: Khí thải tại ống thải máy phát điện 5					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	HDKT - 02	70,8	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.245	--	
3	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	49,6	200	
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	68	1000	
5	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	49,5	850	
6	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	78,1	500	
VIII	1706/KT/QVTG/008: Khí thải sau xử lý tại phòng cắt lazer					
1	Lưu lượng ^(cl)	m³/h	USA EPA Method 02	1.560	--	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
2	Bụi ^(cl)	mg/Nm³	US EPA Method 05	8,2	200	
3	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	9,6	1000	
4	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	4,3	850	
5	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm³	HDKT - 01	2,7	500	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm


Nguyễn Minh Thiện


Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu do đại diện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm